

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 72/2022/HS-PT
Ngày: 29-8-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Ái Loan

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2022/TLPT-HS, ngày 24 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo P, do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh V

- *Bị cáo bị kháng cáo:* P, sinh năm 1991 tại tỉnh S; Nơi cư trú: Ấp G, xã L, huyện Đ, tỉnh S; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; Con ông T1, sinh năm 1950 và bà Diệp Thị Đ, sinh năm 1951; có vợ tên Thạch Thị Mỹ H, sinh năm 1994; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh S từ ngày 09/6/2021 cho đến nay (có mặt).

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:* Công ty B, do ông Nguyễn Hoàng P, Giám đốc làm đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số M, đường H, phường 6, thành phố S, tỉnh S.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng P:* Ông Huỳnh Văn T, Trưởng phòng Hỗ trợ phát triển kinh doanh Công ty B “Theo văn bản ủy quyền số 270/UQ-BVST” (có mặt).

- *Bị hại:*

1. Ông Trần Ngọc H (Chết)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Ngọc H gồm:*

Anh Trần Hữu T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Anh Trần Hữu T1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Cùng khóm B, thị trấn K, huyện K, tỉnh V

2. Ông Lê Văn T3 (Chết)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn T3:* Bà Nguyễn Thị Thanh T4, sinh năm 1968, là mẹ ruột của bị hại. Nơi cư trú: Khu phố H, phường A, thành phố P, tỉnh K (có mặt).

3. Lê Văn H, sinh năm 2017 (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn H*: Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1984, là mẹ ruột của bị hại. Nơi cư trú: Khu phố H, phường A, thành phố P, tỉnh K (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất - Thương mại N.

Địa chỉ: Khóm M, phường C, thành phố T, tỉnh V (vắng mặt).

2. Công ty Cổ phần Bảo hiểm C (PTI).

Địa chỉ: Số B, đường Võ Văn K, phường A, quận N, thành phố C (vắng mặt).

3. Công ty B, do ông Nguyễn Hoàng P, Giám đốc làm đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 151, đường H, phường S, thành phố S, tỉnh S.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng P*: Ông Huỳnh Văn T, Trưởng phòng Hỗ trợ phát triển kinh doanh Công ty B “Theo văn bản ủy quyền số 270/UQ-BVST” (có mặt).

4. Bà Bùi Thị Kim A, sinh năm 1962 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện K, tỉnh V

5. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số N, đường B, khóm S, phường B, thành phố S, tỉnh S.

6. Anh Lê Phước X, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh B.

7. Anh Mai Đăng T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm N, thị trấn C, huyện C, tỉnh V

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng do không có kháng cáo, không có kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án phúc thẩm không triệu tập đến tham dự phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 7 năm 2020 bị cáo P điều khiển xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO, biển số 83C-077.90 chở tôm thẻ đông lạnh từ vừa tôm T thuộc xã L, huyện D, tỉnh V đi giao cho Công ty Cổ phần N Seafoods C đặt tại quận T, thành phố C. Khi đến đoạn đường thuộc khóm S, thị trấn K, huyện K, tỉnh V thì phát hiện phía trước khoảng 300 mét có đèn báo hiệu công trình đang thi công, nhưng bị cáo nghĩ đêm khuya, ít phương tiện lưu thông nên bị cáo không giảm tốc độ và chỉ quan sát kính chiếu hậu mà không quan sát phía trước. Đến khi bị cáo phát hiện chiếc xe mô tô do ông Trần Ngọc H điều khiển chở anh Lê Văn T3 và cháu Lê Văn H ngồi phía sau thì bị cáo xử lý không kịp, phần đầu xe ô tô tải bên trái do bị cáo điều khiển đụng vào xe mô tô do ông H điều khiển, hậu quả ông H tử vong tại chỗ, anh Lê Văn T3 được bị cáo và người dân đưa đi cấp cứu nhưng đã tử vong trên đường đi, còn cháu Lê Văn H bị thương nặng chuyển đi Bệnh viện Nhi đồng C điều trị.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 12-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 260, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo P phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt bị cáo P 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo Phi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện gia đình bị hại ông Trần Ngọc H và bị cáo đã tự thỏa thuận phân trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền 80.000.000 đồng, đại diện gia đình bị hại đã nhận xong và không yêu cầu bồi thường tiếp. Đại diện của cháu Lê Văn H là bà Nguyễn Thị Thanh H1 thừa nhận bị cáo P đã trả tiền chi phí điều trị tại Bệnh viện cho cháu Hào số tiền 2.531.769 đồng không yêu cầu bổ sung. Bà Bùi Thị Kim A thừa nhận có nhận của bị cáo P số tiền 14.200.000 đồng lo chi phí tang lễ, hỏa táng cho bị hại Lê Văn Thái, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp. Các thỏa thuận trên là sự tự nguyện các bên đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu bổ sung tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét tiếp.

Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Thanh H1 và bị cáo P việc bị cáo P tự nguyện hỗ trợ tiền cấp dưỡng nuôi hai cháu Lê Văn H và Nguyễn Yến My và buộc bị cáo P phải hỗ trợ tiền cấp dưỡng nuôi hai cháu Lê Văn H và Nguyễn Yến My, mỗi cháu, mỗi tháng là số tiền 745.000 đồng cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T4 về việc yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí đi lại trong việc lo tang lễ cho anh Thái số tiền 14.000.000 đồng và số tiền chi phí đi lại chăm sóc cháu Lê Văn H trong thời gian điều trị số tiền 4.000.000 đồng.

4. Về trách nhiệm bảo hiểm:

Công ty Bảo hiểm Bưu điện C đã bồi thường cho người thụ hưởng là ông Trần Hữu T1 (Người thừa kế hợp pháp của bị hại ông Trần Ngọc H1) số tiền 10.000.000 đồng đúng theo hợp đồng bảo hiểm, ông Tâm đã nhận xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc Công ty Bảo hiểm Bưu điện C bồi thường cho bị hại ông Lê Văn T3 số tiền 10.000.000 đồng, người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Thanh T4 (mẹ ruột ông Thái).

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Phước X, bà Huỳnh Thị P.

Buộc Công ty B hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị P và ông Lê Phước X số tiền 94.200.000 đồng (bao gồm số tiền 80.000.000 đồng mà ông X, bà P đã bỏ ra để bồi thường cho bị hại Trần Ngọc H và số tiền 14.200.000 đồng mà ông X, bà P giao cho bà Bùi Thị Kim A để lo tang lễ cho bị hại Lê Văn Thái).

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T4 là mẹ ruột của bị hại Lê Văn T3 yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần. Buộc Công ty B thay bà Huỳnh Thị P bồi thường tổn thất tinh thần cho bà Nguyễn Thị Thanh T4 số tiền 74.500.000 đồng.

Buộc Công ty B thay bà Huỳnh Thị P bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền chi phí đi lại lo cho cháu Hào trong thời gian điều trị bằng 4.000.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty B phải bồi thường trong vụ án là 172.700.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty B kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không buộc Công ty B thay bà Huỳnh Thị P bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền chi phí đi lại trong thời gian điều trị bệnh cho cháu Lê Văn H bằng 4.000.000 đồng và không buộc Công ty B thay bà Huỳnh Thị P bồi thường tổn thất tinh thần cho bà Nguyễn Thị Thanh T4 bằng 74.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P thừa nhận: Ngày 20 tháng 7 năm 2020, bị cáo điều khiển xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO, biển số 83C-077.90 chở tôm thẻ đông lạnh từ vừa tôm Bảo Toàn thuộc xã L, huyện D, tỉnh V đi giao cho Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods Cần Thơ đặt tại quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Khi bị cáo điều khiển xe ô tô tải đến đoạn đường thuộc khóm S, thị trấn K, huyện K, tỉnh V thì va chạm vào chiếc xe mô tô do ông H điều khiển, hậu quả ông H tử vong tại chỗ, anh Lê Văn T3 tử vong trên đường đi cấp cứu, còn cháu Lê Văn H bị thương nặng chuyển đi Bệnh viện Nhi đồng C điều trị. Bị cáo Phóng nhất với bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và thống nhất với mức hình phạt bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có kháng cáo bản án sơ thẩm.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Xét thấy đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của Công ty B không đồng ý bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền chi phí đi lại trong thời gian điều trị bệnh cho cháu Lê Văn H bằng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và không đồng ý bồi thường tổn thất tinh thần cho chị Nguyễn Thị Thanh T4 bằng 74.500.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), là không có căn cứ. Vì bị cáo P thừa nhận điều khiển chiếc xe ô tô tải gây ra tai nạn làm cho ông H và anh T3 tử vong, còn cháu H bị thương tích phải điều trị tại Bệnh viện Nhi đồng C. Tại thời điểm gây tai nạn thì chiếc xe ô tô tải, biển số 83C-077.90 có tham gia bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với người thứ 03 bằng 100 triệu đồng/1 người/1 vụ tại nạn. Sau khi tai nạn xảy ra, chủ sở hữu xe và bị cáo đã bồi thường cho bị hại Trần Ngọc H chưa bồi thường cho bị hại Lê Văn T3 nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty B thay chủ sở hữu xe bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 khoản tiền chi phí đi lại trong thời gian điều trị bệnh cho cháu Lê Văn H bằng 4.000.000 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần cho bà Nguyễn Thị Thanh T4 là người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn T3 (chết) số tiền bằng 74.500.000 đồng, là nằm trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm và đúng quy định tại Điều 591 của Bộ luật Dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo Công ty B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo Công ty B: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo Công ty B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc Công ty B thay bà Huỳnh Thị P (chủ sở hữu chiếc xe ô tô tải, biển số 83C-077.90) bồi thường khoản tiền chi phí đi lại cho chị H1 trong thời gian điều trị bệnh cho cháu Lê Văn H bằng 4.000.000 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần cho chị Thúy là người đại diện cho bị hại Lê Văn T3 (chết) số tiền bằng 74.500.000 đồng. Vì bà P không nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, khi nào bà P nộp hồ sơ đề nghị bồi thường thì Công ty B tiến hành bồi thường theo quy định.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn T3, bà Nguyễn Thị Thanh T4: Đề nghị Tòa án giải quyết buộc những người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho con của bà tên Lê Văn T3 (chết) như Tòa án sơ thẩm đã giải quyết, để bà sớm nhận được số tiền bồi thường.

Lời nói sau cùng của bị cáo P: Bị cáo không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người đại diện hợp pháp của Công ty B kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý thay bà Huỳnh Thị P (chủ sở hữu chiếc xe ô tô tải, biển số 83C-077.90) bồi thường khoản chi phí đi lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 trong gian điều trị bệnh của bị hại Lê Văn H bằng 4.000.000 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần cho bà Nguyễn Thị Thanh T4 là mẹ ruột của bị hại Lê Văn T3(chết) bằng 74.500.000 đồng. Xét thấy, sau khi tai nạn xảy ra bị cáo P và chị Phượng (chủ sở hữu chiếc xe ô tô tải, biển số 83C-077.90) đã thỏa thuận bồi thường xong trách nhiệm dân sự cho gia đình bị hại Trần Ngọc H (chết) bằng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng); bồi thường chi phí đi lại cho chị Hồng (mẹ ruột của bị hại Lê Văn H) trong thời gian điều trị bệnh cho cháu Hào tại Bệnh viện Nhi đồng C bằng 2.531.769 đồng (Hai triệu năm trăm ba mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng); bồi thường cho bà Bùi Thị Kim A chi phí mai táng cho bị hại Lê Văn T3 bằng 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Bị cáo P và bà P chưa bồi thường trách nhiệm dân sự cho người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn T3 (chết). Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty B xác định, tại thời điểm xảy ra tai nạn, chiếc xe ô tô tải, biển số 83C-077.90 do bà P đứng tên chủ sở hữu có tham gia bảo hiểm bắt buộc tại Công ty B, theo hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc về người là 100.000.000 đồng/1người/1vụ tai nạn; về tài sản là 100.000.000 đồng/1vụ tai nạn.

[2] Tại thời điểm bị cáo P điều khiển xe gây ra tai nạn, thì bị cáo có Giấy phép lái xe hạng D, bị cáo không có sử dụng rượu, bia và không dương tính với chất ma túy (BL 162, 163, 166) nên không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo Điều 12 của Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Hậu quả từ vụ tai nạn làm cho ông H và anh T3 chết, còn cháu H bị thương chuyển đến Bệnh viện Nhi đồng C điều trị. Theo khoản 2 Điều 591 của Bộ luật Dân sự thì người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tính mạng của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều

này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, Công ty B không chủ động cử cán bộ phối hợp với bà P (chủ sở hữu chiếc xe ô tô, tải biển số 83C-077.90) và bị cáo Phương đến gặp gia đình bị hại Lê Văn T3 thỏa thuận bồi thường thiệt hại; không thực hiện thủ tục tạm ứng chi trả những chi phí cần thiết và hợp lý trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm theo nguyên tắc bồi thường quy định tại Điều 13 của Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, dẫn đến bà Thúy là mẹ ruột của anh Thái chưa nhận được khoản tiền khắc phục hậu quả tổn thất về tinh thần. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử buộc Công ty B thay bà P bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà T4 số tiền bằng 74.500.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và buộc Công ty B thay bà P bồi thường khoản chi phí đi lại cho chị H1 trong thời gian điều trị bệnh cho bị hại Lê Văn H số tiền bằng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), là có căn cứ, phù hợp với phạm vi trách nhiệm bảo hiểm về người và đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; khoản 1 và khoản 2 Điều 591 của Bộ luật Dân sự.

[4] Công ty B kháng cáo cho rằng, việc bồi thường phải có đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường của bà P (chủ sở hữu xe ô tô tải biển số 83C-077.90) theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, là không thực hiện đúng nguyên tắc bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời, việc Tòa án sơ thẩm buộc Công ty B thay bà P bồi thường cho bà T4 bồi thường tổn thất về tinh thần và nghĩa vụ bồi thường thực hiện theo bản án của Tòa án. Mặt khác, Công ty B kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cũng không đúng quy định của pháp luật. Vì, trong trường hợp này Tòa án sơ thẩm giải quyết bồi thường phân trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của Công ty B.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, về mức hình phạt và về trách nhiệm dân sự không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của Công ty B, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của Công ty B không được Tòa án phúc thẩm chấp nhận nên buộc Công ty B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của Công ty B.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 12-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện K.

1. Tuyên bố bị cáo P phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt bị cáo P 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo P thi hành án.

3. Buộc Công ty B thay bà Huỳnh Thị P bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà Nguyễn Thị Thanh T4 số tiền bằng 74.500.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc Công ty B thay bà Huỳnh Thị P bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 khoản chi phí đi lại trong thời gian điều trị bệnh cho cháu Lê Văn H số tiền bằng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí phúc thẩm: Buộc Công ty B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm Công ty B đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009146 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh V, nên không phải nộp tiếp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh V;
- Cơ quan điều tra Công an huyện K;
- VKSND huyện K;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Trại tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh S;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đê